

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 6 - 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Huệ

2. Ông Bùi Quang Uyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/TLST- HNGĐ ngày 12/3/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tạm trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Chu Tiến D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2020, bản tự khai ngày 12/3/2020 và trong quá trình xét xử thì chị Nguyễn Thị H và anh Chu Tiến D kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D thường xuyên có những lời nói không đúng chuẩn mực, chửi bới, bạo hành gia đình, khi mâu thuẫn xảy ra chị đã nhiều lần yêu cầu anh D phải gương mẫu để vợ con noi theo và gia đình hai bên cũng tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng anh D vẫn không thay đổi dẫn đến hai vợ chồng cãi vã thường xuyên, hôn nhân không hạnh phúc,

đỉnh điểm là vào tháng 7 năm 2012 anh D liên tục đánh đập chị một cách tàn nhẫn khiến chị phải vào cơ sở y tế cấp cứu. Vì quá sợ hãi nên chị đã đưa con gái là cháu Chu Hà M về nhà bố mẹ đẻ của chị sinh sống và vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối tháng 7 năm 2012 đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Tiến D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H xác nhận chị và anh Chu Tiến D có một con chung là cháu Chu Hà M, sinh ngày 07/7/2011, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Chu Hà M đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Chu Tiến D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến người chưa thành niên ngày 24/4/2020 cháu Chu Hà M có nguyện vọng được mẹ đẻ là chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Đối với anh Chu Tiến D, trong quá trình giải quyết vụ án vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh D vẫn không có văn bản trả lời ý kiến và không có mặt theo giấy triệu tập.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng, chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, Tòa án đã có văn bản yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ chứng minh công việc và thu nhập của bản thân, song bị đơn vẫn không cung cấp.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì anh Chu Tiến D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc anh D vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật Tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Chu Tiến D (địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Bị đơn anh Chu Tiến D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Chu Tiến D kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2011 tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của chị H đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thực, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Chu Tiến D. Đối với anh Chu Tiến D vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh D không có mặt và cũng không có văn bản trả lời. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H anh D đã thực sự trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ tháng 7 năm 2012 đến nay, nên việc chị H xin ly hôn anh D là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Chu Tiến D.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một người con chung cháu Chu Hà M, sinh ngày 07/7/2011, hiện cháu đang ở cùng chị H. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Hà M, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Chu Hà M hiện đang ở cùng chị H, chị H đã cung cấp được chứng cứ là xác nhận của Công ty trách nhiệm hữu hạn Q xác nhận chị Nguyễn Thị H là nhân viên quản lý bán hàng của Công ty có mức lương là 15.000.000đ/tháng, anh Chu Tiến D không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Chu Hà M, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu và nguyện vọng của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Chu Hà M cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Chu Tiến D

2. Về con chung: Xử giao cháu Chu Hà M, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Chu Tiến D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Chu Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0009893 ngày 12/3/2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND xã Đ;
- Đường sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng

